TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 9 - 2020
V/v: Chị Vũ Thị H xin ly hôn anh Phạm Văn T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Hiển.

Bà Vũ Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Vân Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1986;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã V, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

Nghề nghiệp: Công nhân tại Công ty TNHH M (Việt Nam) chi nhánh Thái Bình, địa chỉ đóng tại xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn*: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Nghề nghiệp: Công nhân tại Công ty Cổ phần Công nghiệp N Việt Nam, địa chỉ đóng tại khu công nghiệp P, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(Chị H, anh T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày***:

Chị và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 03 tháng 9 năm 2014 tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu, đến với nhau là tự nguyện, trong điều kiện khi đó anh chị đều làm công nhân, đều đã có vợ, có chồng, đều đã ly hôn và đều đã có con riêng. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống như cuộc sống chung với bố mẹ chồng có nhiều bất tiện, chị muốn ra ở riêng nhưng anh T không đồng ý, rồi bất đồng trong việc quản lý kinh tế gia đình như lương của chị, chị phải chi phí trang trải cuộc sống gia đình, lương và thu nhập của anh T, anh T quản lý không đưa cho chị, anh T còn có quan hệ với người phụ nữ khác, về nhà sinh sự, kiếm cớ đuổi chị ra khỏi nhà, vợ chồng liên tục xảy ra cãi vã, chị bị áp lực tinh thần và suy nghĩ nhiều nên bị ốm phải nhập viện, anh T cũng không quan tâm. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình phân tích, góp ý, hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng, từ ngày 18 tháng 6 năm 2020 chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, niềm tin, tình yêu dành cho nhau đã hết, chị xin ly hôn anh T.

Chị và anh Phạm Văn T có một con chung là Phạm Vũ Thành Đ, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2015. Khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở, chị muốn đưa cháu đi theo nhưng anh T không đồng ý nên hiện cháu đang ở cùng anh T và ông bà nội và đang học tại trường mầm non xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Đ và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho

con chung. Anh T đề nghị được nuôi cháu Đ, chị không đồng ý. Vì: Con còn nhỏ cần sự chăm sóc của chị, từ khi con sinh ra đến nay chủ yếu do một mình chị chăm sóc. Chị có nhà ở (nhà của bố mẹ đẻ chị), có công việc, có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con. Về gia đình chị, bố đẻ chị mắc bệnh ung thư phổi từ năm 2007 nhưng hiện đã khỏi bệnh và đang được hưởng trợ cấp cho người tàn tật tại xã, mẹ đẻ chị làm nông nghiệp tại địa phương nên việc chị nuôi con sẽ có sự hỗ trợ từ bố mẹ đẻ chị. Chị có một con trai riêng nhưng chị không phải nuôi dưỡng vì cháu đang ở cùng bố đẻ. Anh T hiện đang phải nuôi một con gái riêng, rồi ngoài thời gian đi làm tại công ty về nhà anh T còn bán hàng quần áo online, suốt ngày sử dụng điện thoại nên sẽ không có thời gian quan tâm đến con, nếu được nuôi con anh T cũng sẽ phó mặc lại cho bố mẹ đẻ anh T chăm sóc trong khi đó bố mẹ đẻ anh T đều đã có tuổi, sức khỏe cũng không được tốt. Trong thời gian cháu Đ ở cùng anh T, anh T không gây khó khăn gì đối với chị trong việc chị đến thăm, chăm sóc con chung. Thu nhập bình quân của chị từ 06 triệu đến 07 triệu/01 tháng. Thu nhập của anh T, chị không biết.

Quá trình chung sống, chị và anh Phạm Văn T có tạo lập được khối tài sản chung như xe máy, tiền tiết kiệm và một số đồ dùng vật dụng khác. Ly hôn, về tài sản chung, chị và anh T tự thỏa thuận phân chia, anh chị không đi vay và không cho ai vay nợ chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

**** Tại bản tự khai đề ngày 04 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:***

Về thời gian, thủ tục, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, thời gian xảy ra mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, anh Phạm Văn T trình bày như chị Vũ Thị H đã khai. Về nguyên chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, theo anh xuất phát từ kinh tế giữa vợ chồng không rõ ràng, không thống nhất, chị H không có ý thức chăm lo xây dựng cuộc sống gia đình, không quan tâm đến chồng con, đối xử với bố mẹ đẻ anh không tốt, ban ngày đi làm, tối về đến nhà là chị H xem điện thoại, ngày nghỉ thì lại đi chơi, không những thế chị H còn nghi ngờ, ghen tuông anh vô cớ. Nhiều lần anh góp ý, chị H không nghe, vợ chồng liên tục xảy ra cãi vã. Khi anh chị xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình cũng gặp gỡ hòa giải nhưng chỉ được một thời gian rồi đâu lại vào đó. Quá trình Tòa án giải quyết vụ

án, nghĩ chị H cố tình muốn ly hôn, anh không níu kéo và đồng thuận ly hôn. Nhưng nay anh suy nghĩ lại, anh và chị H đều đã kết hôn lần hai, đều đã có con riêng thì cần phải thông cảm với điều kiện hoàn cảnh của nhau, ai có lỗi người đó phải sửa, còn nếu tiếp tục ly hôn, con sẽ là người phải chịu thiệt thòi nhất, do đó anh không đồng thuận ly hôn nữa, anh mong chị H cân nhắc suy nghĩ lại để rút đơn vợ chồng quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con, nếu chị H vẫn cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Anh và chị Vũ Thị H có một con chung là Phạm Vũ Thành Đ, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2015. Nếu việc ly hôn đặt ra giải quyết, anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Đ và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con chung. Chị H xin nuôi con, anh không đồng ý. Vì: Cháu Đ hiện đang ở cùng anh, cùng ông bà nội và đang học tại trường mầm non tại xã, cuộc sống hiện tại của con rất ổn định, sức khỏe tốt. Anh đang nuôi con gái riêng, cháu đã lớn, có thể trông em, tình cảm chị em quý mến, anh không muốn ảnh hưởng đến tình cảm, môi trường sống của con. Anh có nhà ở (ở cùng bố mẹ đẻ), có công việc, có thu nhập ổn định và cũng có đủ điều kiện để nuôi con. Bố mẹ đẻ anh đã có tuổi nhưng sức khỏe vẫn tốt nên việc anh nuôi con còn có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ anh. Về phía nhà chị H, bố đẻ bị ung thư phổi đã lâu, mắt bị mờ, đang được hưởng chế độ người tàn tật, mẹ chị H làm nông nghiệp tại địa phương, chị H còn đi làm công ty, do đó nếu chị H nuôi con sẽ không có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ chị H, cuộc sống của con vì thế sẽ không được đảm bảo. Chị H cũng có 01 con trai riêng 14 tuổi, mặc dù cháu đang ở cùng bố đẻ nhưng chị H vẫn phải có trách nhiệm với con. Trong thời gian cháu Đ ở cùng anh, anh vẫn tạo mọi điều kiện cho chị H qua lại thăm nom chăm sóc giáo dục con, không gây khó khăn hay cản trở gì. Thu nhập bình quân từ lương của anh từ 06 đến 07 triệu đồng, ngoài ra, anh còn bán hàng quần áo online tại nhà, thu nhập thêm được khoảng 02 triệu đồng/01 tháng.

Về tài sản chung của vợ chồng, anh và chị Vũ Thị H tự thỏa thuận phân chia, anh chị không đi vay và không cho ai vay nợ chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 24 tháng 8 năm 2020, bà Phan Thị N (mẹ đẻ chị Vũ Thị H) trình bày*:**

Chị H và anh T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2014 Trong cuộc sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, về nhà gây sự với chị H, chị H đã về nhà ông bà ở từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án chấp nhận.

Chị H và anh T có một con chung là Phạm Vũ Thành Đ, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2015. Nay anh chị ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao cháu Đ cho chị H nuôi dưỡng vì chị H đã có một con riêng trước đó do bố đẻ cháu nuôi, nay với cháu Đ không thể tiếp tục giao cho bố đẻ cháu (anh T) nuôi được. Chị H có công việc, có thu nhập ổn định và là phụ nữ, khi ly hôn phải chịu rất nhiều thiệt thòi, chị H có thể sẽ không đi lấy chồng nữa nên phải có đứa con làm nguồn động viên. Về phía gia đình bà sẽ có trách nhiệm hỗ trợ chị H trong việc nuôi con.

Chị H, anh T và gia đình bà không có nghĩa vụ gì về tài sản liên quan đến nhau.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 24 tháng 8 năm 2010, bà Ngô Thị M (mẹ đẻ anh Phạm Văn T) trình bày:***

Chị H và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn và được hai gia đình tổ chức lễ cưới năm 2014. Sau kết hôn chị H, anh T và con gái riêng của anh T sống cùng nhà với gia đình bà. Về mâu thuẫn giữa chị H, anh T là có do bất đồng về quan điểm sống, không thống nhất được với nhau về việc quản lý kinh tế gia đình. Về phía gia đình bà đã nhiều lần góp ý với chị H, anh T nhưng không có kết quả. Nay chị H xin ly hôn anh T, là bố mẹ không ai muốn các con phải ly hôn, bà đề nghị Tòa án phân tích hòa giải để chị H rút đơn, anh chị quay về đoàn tụ cùng nhau chăm sóc cháu để cháu đỡ thiệt thòi. Còn nếu chị H vẫn cương quyết xin ly hôn, đó là quyết định của chị H, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Chị H và anh T có một con chung là Phạm Vũ Thành Đ, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2015, hiện đang ở cùng anh T và gia đình bà. Nếu anh chị ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao cháu Đ cho anh T nuôi dưỡng để cháu Đ ổn định cuộc sống. Hiện anh T đang nuôi một con gái riêng đã 12 tuổi. Tuy nhiên, việc anh T nuôi hai con sẽ không có trở ngại gì vì đã có sự quan tâm hỗ trợ về vật chất và tinh thần của gia đình bà. Anh T cũng có công việc, có thu nhập ổn định. Trong

thời gian cháu Đ ở cùng gia đình bà, cháu ngoan và sức khỏe tốt. Anh T và gia đình bà luôn tạo điều kiện cho chị H qua lại thăm nom chăm sóc con.

Việc giải quyết liên quan đến tài sản của chị H, anh T không liên quan gì đến gia đình bà nên bà không có ý kiến, đề nghị gì.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 24 tháng 8 năm 2020, đại diện thôn K và đại diện UBND xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Năm 2014, chị H và anh T làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn, anh chị sống cùng nhà bố mẹ đẻ anh T tại địa phương. Về mâu thuẫn giữa anh chị là do bất đồng về kinh tế gia đình và từ tháng 6 năm 2020 đến nay chị H về sống tại nhà bố mẹ đẻ. Nay chị H xin ly hôn anh T, về phía chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Chị H, anh T có một con chung là Phạm Vũ Thành Đ, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2015. Nếu anh chị ly hôn, việc giải quyết về nuôi con chung, đề nghị Tòa án căn cứ điều kiện, hoàn cảnh, nguyện vọng của các bên để giải quyết làm sao để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, sự phát triển mọi mặt của con trẻ.

Chị H, anh T hiện không vay nợ của tổ chức nào tại địa phương.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 24 tháng 8 năm 2020, đại diện thôn T và đại diện UBND xã V, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Chị H kết hôn với anh T vào năm 2014 và về sống tại gia đình nhà chồng ở huyện V, tỉnh Thái Bình. Tháng 6 năm 2020 chị H về sống tại nhà bố mẹ đẻ là ông Vũ Đức V và bà Phan Thị N từ đó cho đến nay. Ông V mắc bệnh ung thư phổi từ năm 2007, hiện đang được hưởng chế độ trợ cấp đối với người tàn tật tại xã (540.000 đồng/01 tháng). Bà N làm nông nghiệp tại địa phương. Trước đây hộ gia đình ông V, bà N thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo nhưng đã thoát nghèo được khoảng 07 năm.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 24 tháng 8 năm 2020, đại diện trường mầm non xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình cung cấp:***

Cháu Phạm Vũ Thành Đ hiện đang học lớp mẫu giáo 5 tuổi tại trường mầm non xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình. Trong thời gian học tại trường, cháu Đ khỏe mạnh, ngoan ngoãn và phát triển bình thường. Anh T, chị H vẫn thường xuyên trao đổi với cô giáo phụ trách lớp về việc học tập của cháu Đ. Nay chị H,

anh T ly hôn, về vấn đề nuôi con chung của anh chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị H được ly hôn anh T. Giao con chung Phạm Vũ Thành Đ, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con nên không đặt ra giải quyết về vấn đề cấp dưỡng. Về chia tài sản chung, chị H, anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Vũ Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn T, anh T cư trú tại thôn K, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01, ngày 03 tháng 9 năm 2014, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh chị bất đồng về quan điểm sống, cách sống, không thống nhất

được với nhau trong việc quản lý, chi tiêu kinh tế gia đình và nghi ngờ lòng chung thủy của nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị không có biện pháp giải quyết dứt điểm dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị H, anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, anh chị thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh T không đồng thuận ly hôn, theo anh trong mỗi gia đình đều không tránh khỏi cãi vã, bất hòa, ai có lỗi sai người đó phải sửa, anh mong muốn chị H cân nhắc, suy nghĩ lại nên rút đơn ly hôn để vợ chồng quay về đoàn tụ cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con. Về phía chị H xác định chị không còn tình cảm với anh T, chị không chấp nhận đoàn tụ và cương quyết xin ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H, anh T là có, đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Vũ Thị H và anh Phạm Văn T có một con chung là Phạm Vũ Thành Đ, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2015. Ly hôn, chị H, anh T đều có nguyện vọng xin nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Xét nguyện vọng xin nuôi con chung của chị H và anh T là hoàn toàn chính đáng, anh chị đều có công việc, có thu nhập ổn định, có sự hỗ trợ của gia đình trong việc chăm sóc, nuôi dậy con và đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, hiện cháu Đ ở cùng anh T cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt và đang học tại trường mầm non tại xã, trong thời gian cháu Đ ở cùng anh T, anh T và gia đình vẫn tạo mọi điều kiện cho chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Để cháu Đ ổn định cuộc sống, ổn định việc học tập và đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con trẻ, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giao cháu Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung, anh T không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Vũ Thị H, anh Phạm Văn T thống nhất tự thỏa thuận phân chia, anh chị không đi vay, không cho ai vay nợ chung, anh chị không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị H, anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Phạm Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Vũ Thành Đ, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2015. Anh Phạm Văn T không yêu cầu chị Vũ Thị H phải cấp dưỡng cho con chung Phạm Vũ Thành Đ.

2.2. Chị Vũ Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng cho con chung được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về chia tài sản chung: Chị Vũ Thị H và anh Phạm Văn T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số 0003869 ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình, như vậy, chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị H và anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21 tháng 9 năm 2020).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình (Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2014, quyển số 01/2014, ngày 03 tháng 09 năm 2014);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương